

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 3729/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 28 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010 - 2020

U.B.N.D HUYỆN VĨNH CỬU	
xã hội	SS 1580/B
Nông nghiệp	2020
Chuyển đổi	2011
Lưu ý	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 73/2008/QĐ-TTg ngày 04/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 2178/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 07/02/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 441/TTr-SKHD-TT ngày 20 tháng 12 năm 2011 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Cửu giai đoạn 2010 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Cửu giai đoạn 2010 - 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Xây dựng huyện Vĩnh Cửu trở thành huyện phát triển vào mức trung bình khá của tỉnh, giữ vị trí quan trọng về quốc phòng và bảo vệ tài nguyên môi trường (bảo vệ tài nguyên rừng, môi trường nước đầu nguồn) trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai và vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

2. Tập trung khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của huyện để phát triển kinh tế xã hội với tốc độ cao, bền vững gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo

hướng công nghiệp – dịch vụ - nông nghiệp và nâng cao chất lượng tăng trưởng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3. Chú trọng phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch; xem đây là một trong những nhiệm vụ đột phá trong phát triển kinh tế – xã hội ở huyện, nâng dần tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trên cơ sở kế thừa có chọn lọc hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đã có.

4. Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho bước phát triển thời kỳ tiếp theo.

5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với phát triển các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục nhằm thực hiện an sinh xã hội trên địa bàn.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát:

Phát triển nhanh, toàn diện và bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường, nhằm đưa Vĩnh Cửu trở thành huyện phát triển vào mức trung bình khá của tỉnh và phấn đấu đến năm 2020 khoảng 55% – 60% xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kinh tế:

- Tăng trưởng kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2020 là 10%. Trong đó:

+ Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 9%.

+ Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 11%.

- Cơ cấu kinh tế năm 2015: Công nghiệp – xây dựng chiếm 69,1%; dịch vụ chiếm 23,6%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 7,3%. Năm 2020: Công nghiệp – xây dựng chiếm 58,3%; dịch vụ chiếm 36,4%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 5,3%.

- GDP bình quân đầu người (tính theo giá hiện hành) năm 2015 đạt 31,7 triệu đồng, năm 2020 đạt 45,4 triệu đồng.

- Tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm đạt và vượt dự toán Tỉnh giao.

- Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 8.500 đến 9.000 tỷ đồng, giai đoạn 2016 – 2020 khoảng 15.000 – 16.000 tỷ đồng.

b) Về xã hội:

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1% vào năm 2015 và duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1%. Quy mô dân số năm 2015 khoảng 160 ngàn người, trong đó dân số đô thị chiếm khoảng 40%; năm 2020 khoảng 200 ngàn người, trong đó dân số đô thị chiếm 55%.

- Duy trì, giữ vững kết quả phổ cập các bậc học phổ thông.

- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng dưới 5 tuổi còn dưới 10% vào năm 2015, còn dưới 5% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 1,5% theo chuẩn nghèo hiện hành của tỉnh.

- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2015 đạt trên 60%, trong đó 45 – 50% được đào tạo nghề. Năm 2020 đạt trên 70%, trong đó 50 – 55% được đào tạo nghề.

- Giải quyết việc làm cho 3.500 lao động/năm giai đoạn 2011-2015 và 4.000 – 4.500 lao động/năm giai đoạn 2016-2020.

- Năm 2015: Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa trên 98% và tỷ lệ áp, khu phố văn hóa đạt 90%. Năm 2020: Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa trên 99% và tỷ lệ áp, khu phố văn hóa đạt 95%.

- Nâng tuổi thọ trung bình của dân số năm 2015 lên 77 tuổi và năm 2020 lên 78 tuổi.

- Tỷ lệ hộ dùng điện đạt trên 99% vào năm 2015 và những năm tiếp theo.

- Củng cố an ninh quốc phòng, đảm bảo trật tự xã hội, tăng cường lực lượng dân quân tự vệ, để đạt tỷ lệ tham gia thường xuyên khoảng 3% dân số.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Năm 2015: Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 68%, trong đó tỷ lệ che phủ của rừng đạt 63,5% và duy trì tỷ lệ này đến năm 2020

- Đến năm 2015 thu gom và xử lý theo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường các loại rác thải đô thị, rác thải công nghiệp không độc hại, rác thải y tế đạt 100%, chất thải rắn độc hại đạt 80%. Năm 2020 thu gom và xử lý theo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường các loại rác thải đô thị, rác thải công nghiệp không độc hại, rác thải y tế, chất thải rắn độc hại đạt 100%.

- Năm 2015: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 97%, tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt trên 99%. Năm 2020: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%, tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 100%.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Ngành công nghiệp xây dựng:

- Phần đầu giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2015 gấp 1,8 lần năm 2010; năm 2020 gấp 1,9 – 2 lần năm 2015.

- Tập trung công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng trong các khu cụm công nghiệp.

- Tiếp tục thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp, ưu tiên phát triển những ngành hàng và sản phẩm sử dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, có hàm lượng chất xám cao, có giá trị gia tăng cao; coi trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp truyền thống, chủ lực và có sự cạnh tranh cao của huyện.

- Tập trung kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và lắp đầy diện tích các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch. Cụ thể:

+ Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Thạnh Phú với diện tích 177,2ha.

+ Cụm công nghiệp Quy hoạch 7 cụm công nghiệp và 1 làng nghề trên địa bàn huyện với tổng diện tích 400,2 ha, bao gồm: (1). Cụm công nghiệp Thiện Tân – Thạnh

Phú 96,6ha; (2). Cụm công nghiệp Trị An 48,8ha; (3). Cụm công nghiệp Vĩnh Tân 50ha; (4). Cụm công nghiệp thị trấn Vĩnh An 50ha; (5). Cụm công nghiệp Tân An 50ha; (6). Cụm công nghiệp Thiện Tân 50ha, mở rộng lên 75ha; (7). Cụm công nghiệp VLXD Tân An 50ha. Làng nghề đúc gang Tân An 4,8ha.

2. Ngành thương mại – dịch vụ:

- Tập trung tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển dịch vụ nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng mức đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

- Phản đầu tổng mức bán lẻ hàng hoá dịch vụ tăng bình quân năm giai đoạn 2011-2015 là 25%/năm, giai đoạn 2006 – 2020 là 22%.

- Quan tâm phát triển ngành dịch vụ có tính đột phá như dịch vụ giáo dục đào tạo và dạy nghề, du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ đầu tư, dịch vụ phân phối bán lẻ, dịch vụ phục vụ sản xuất và phát triển đô thị.

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn như: Khu du lịch Đảo Ó – Đồng Trường, dịch vụ du lịch làng bưởi Tân Triều, khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai, khu du lịch sinh thái Rạch Đông, du lịch sinh thái hồ Mo Nang, du lịch sinh thái Cao Minh (xã Vĩnh Tân), phối hợp với hệ thống du lịch Biên Hòa, TP. Hồ Chí Minh để đẩy mạnh phát triển các loại hình du lịch và các tuyến du lịch trên địa bàn huyện.

- Quy hoạch mạng lưới chợ, trung tâm thương mại và siêu thị, bao gồm: Xây dựng 03 trung tâm thương mại: (1). Trung tâm thương mại TT. Vĩnh An, (2). Trung tâm thương mại Thạnh Phú, (3). Trung tâm thương mại Phú Lý. Quy hoạch 03 siêu thị hạng III theo hướng xã hội hóa, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư, trong đó siêu thị tại xã Thanh Phú đã đi vào hoạt động, tiếp tục kêu gọi đầu tư 02 siêu thị tại Tân An và TT. Vĩnh An. Xây dựng, nâng cấp mạng lưới chợ: Xây dựng mới 06 chợ đạt tiêu chuẩn chợ loại 3: Trị An, Thiện Tân, Tân An, Hiếu Liêm, Mã Đà, Thạnh Phú. Cùng có hoạt động, chỉ định thầu đầu tư khai thác 05 chợ đã được xây dựng: Tân Bình, Vĩnh Tân; KP5 – TT. Vĩnh An đạt tiêu chuẩn chợ loại 2; Phú Lý và KP1 – TT. Vĩnh An đạt tiêu chuẩn chợ loại 3. Từng bước giải tỏa các chợ tự phát, duy trì mạng lưới chợ trên địa bàn huyện đến năm 2020 là 11 chợ.

- Quy hoạch mạng lưới trạm cung cấp xăng dầu, trong đó dự kiến đến năm 2020 đầu tư thêm trên địa bàn huyện 18 trạm cung cấp xăng dầu. Nâng tổng số trạm xăng dầu trên địa bàn huyện lên 38 trạm.

3. Ngành nông lâm nghiệp và thủy sản:

- Phản đầu đạt giá trị sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân giai đoạn 2011 – 2015 là 5,2%/năm và giai đoạn 2016 – 2020 là 4,6%/năm.

- Chuyển dịch nhanh cơ cấu nông nghiệp, nâng tỷ trọng chăn nuôi từ 32% năm 2010 lên 50% năm 2015 và khoảng 55-60% vào năm 2020 trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Nâng giá trị sản xuất ngành trồng trọt/01ha đất canh tác/năm theo giá hiện hành từ 41,9 triệu đồng năm 2010 lên khoảng 75 triệu đồng năm 2015 và khoảng 100 triệu đồng năm 2020.

- Quy hoạch phát triển sản lượng một số loại cây trồng chính: Lúa 32.400 tấn, Bắp 24.000 tấn, Khoai mì 27.300 tấn, Rau các loại 14.000 – 15.000 tấn, Mía 82.500 tấn, Xoài 10.000 tấn, Bưởi 10.500 tấn, Cao su 1.200 tấn, Điều 3.000 tấn.

- Quy mô đàn vật nuôi năm 2020: Heo 200.000 con, Gà 725.000 con, Cút 418.000 con, Bò 21.000 con, Dê 3.000 con, Hươu nai 1.500 con.

- Quy hoạch 10 vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung với quy mô 950ha: Ấp Bình Chánh, ấp Cây Xoài – Tân An 100ha; Ấp 1 – Trị An 80ha; KP4-TT. Vĩnh An 45ha; KP3,6,7-TT. Vĩnh An 115ha; KP2-TT. Vĩnh An 75ha; Ấp 3- Vĩnh Tân 35ha; Ấp 3,6 – Vĩnh Tân 110ha; Ấp 4 – Phú Lý 100ha; Ấp 3 – Hiếu Liêm 115ha; Ấp 1 – Hiếu Liêm 175ha.

- Quy hoạch 03 điểm giết mổ gia súc, gia cầm: KP2 – TT. Vĩnh An, Bình Chánh – Tân An, ấp 6 – Thạnh Phú.

- Giữ vững diện tích rừng theo kết quả phê duyệt quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 4505/QĐ-UBND ngày 29/12/2008 của UBND tỉnh. Thực hiện tốt việc bảo vệ và tu bổ rừng, trồng mới diện tích đất có khả năng phát triển lâm nghiệp, quản lý đất lâm nghiệp theo địa bàn của từng đơn vị quản lý. Đẩy mạnh, khuyến khích trồng cây phân tán trong nhân dân để tăng độ che phủ.

- Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản từ 1.005ha hiện nay lên 1.215ha vào năm 2020 bằng cách chuyển đổi 210ha đất lúa 01 vụ ngập úng, sản xuất không ổn định sang phát triển nuôi trồng thủy sản. Hạn chế phát triển mới số lượng bè và mật độ nuôi bè trên hồ Trị An để đảm bảo môi trường cho nguồn nước hồ Trị An. Đưa sản lượng thủy sản từ 750 tấn hiện nay lên 1.300 tấn năm 2015 và khoảng 1.500 tấn vào năm 2020.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng:

Phát triển mạnh và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện, gắn kết với hệ thống kết cấu hạ tầng chung của Tỉnh và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất và phục vụ đời sống, tăng tốc độ và tỷ trọng của khu vực dịch vụ và kết cấu hạ tầng trong cơ cấu phát triển kinh tế của huyện.

a) Giao thông vận tải:

- Đường vành đai: Xây dựng mới 02 đường vành đai với tổng chiều dài qua huyện Vĩnh Cửu 24,3 km. Trong đó đường vành đai 4 vùng KTTĐPN, tuyến đi qua huyện Vĩnh Cửu dài 7,7 km; đường vành đai TP. Biên Hòa, tuyến đi qua huyện Vĩnh Cửu dài 16,6km.

- Đường tỉnh có 7 tuyến đi qua huyện Vĩnh Cửu với tổng chiều dài 104,2 km, trong đó ưu tiên đầu tư nâng cấp cho 02 tuyến huyết mạch đi qua huyện là ĐT 767 và ĐT 768.

- Đường huyện: Đầu tư mới, nâng cấp, cứng hóa 228,46 km.

- Đường nội thị, nông thôn và chuyên dùng: Nâng cấp, cứng hóa 426,79 km đạt chuẩn nông thôn mới.

- Nâng cấp và cứng cáp hoạt động các bến đò trên địa bàn huyện để đảm bảo an toàn trong lưu thông đường thủy.

- Nâng cấp và xây dựng 3 bến xe trên địa bàn huyện, bao gồm đầu tư nâng cấp bến xe thị trấn Vĩnh An, bến xe xã Phú Lý, xây dựng bến xe Thiện Tân.

b) Cung cấp điện:

- Xây dựng mới 2 trạm 110 kV là Vĩnh An: 40 MVA và Trị An: 40 MVA. Mở rộng nâng công suất trạm 110/22kV Thạnh Phú, lắp máy T2 công suất 63MVA đưa quy mô của trạm lên (40+63) MVA.

- Giai đoạn sau nâng công suất máy T1 trạm 110 kV Thạnh Phú từ 40 MVA lên 63 MVA. Lắp máy 2 với dung lượng 40 MVA cho trạm 110 kV Vĩnh An và Trị An.

- Cải tạo và xây dựng mới một số tuyến trung thế để có thể tiếp nhận công suất của trạm 110kV Vĩnh An và Trị An. Các tuyến trung thế 01 pha và 03 pha tiết diện dây dẫn nhỏ ở khu vực trung tâm các xã được cải tạo lên 03 pha, để có thể phục vụ cho phát triển sản xuất CN – TTCN.

- Phát triển mạng lưới hạ thế gắn với các tuyến trung thế và trạm biến áp xây mới để cấp điện cho các khu dân cư chưa có điện. Phấn đấu số hộ sử dụng điện đạt trên 99% vào năm 2015.

c) Thủ lợi:

- Nâng cấp hệ thống thủy lợi hiện có, kiên cố hóa 100% hệ thống kênh mương nội đồng và đầu tư xây dựng mới một số công trình thủy lợi nhằm cung cấp nước tưới cho phát triển sản xuất nông nghiệp và cải tạo tiêu khí hậu trong khu vực.

- Xây dựng mới 3 trạm bơm: Trạm bơm Lý Lịch, trạm bơm Hiếu Liêm và trạm bơm Giồng Lầu để phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp.

- Nạo vét các suối: Suối Sâu, suối Đường Cộ và suối Rạch Lăng để tiêu thoát nước trong từng lưu vực.

- Khuyến khích, hỗ trợ lãi suất vay cho các hộ đầu tư lắp đặt hệ thống tưới tiêu kiệm kết hợp bón phân qua đường ống.

d) Cấp nước:

- Tiếp tục đầu tư, nâng công suất nhà máy nước Thiện Tân từ 100.000 m³/ngày đêm hiện nay lên 300.000 m³/ngày đêm vào năm 2015 và đạt 400.000 m³/ngày đêm vào năm 2020.

- Nâng công suất Xí nghiệp nước thị trấn Vĩnh An đạt 4.000 m³/ngày đêm; trạm tăng áp Thạnh Phú 10.000 m³/ngày đêm.

- Xây dựng mới 4 trạm cấp nước: Đường Cộ - Tân An; Tân Triều; Bình Ý – Tân Bình và Trị An để cung cấp nước cho các khu dân cư tập trung và các Cụm CN – TTCN.

e) Trụ sở làm việc xã, ấp:

- Về trụ sở xã: Giai đoạn 2011 – 2015 xây dựng 05 trụ sở các xã: Bình Hòa, Thạnh Phú, Thiện Tân, Hiếu Liêm và Mã Đà. Giai đoạn 2016 – 2020 đầu tư xây dựng trụ sở 03 đơn vị cấp xã dự kiến tách mới.

- Về hội trường ấp, khu phố: Tiếp tục đầu tư hội trường ấp, khu phố gắn với hoạt động văn hóa cơ sở, đảm bảo đến năm 2015 đạt 100% ấp, khu phố có hội trường và hoạt động văn hóa thường xuyên.

5. Phát triển đô thị, dân cư nông thôn:

- Thị trấn Vĩnh An: Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chánh - văn hóa - giáo dục đào tạo - dịch vụ – thương mại - du lịch của toàn Huyện. Quy mô dân số khoảng 40.000 người vào năm 2020.

- Đô thị Phước Giang: Tiến hành xây dựng quy hoạch chung khu đô thị Phước Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, trên phạm vi ranh giới các xã: Bình Hòa, Bình Lợi, Tân Bình, Thạnh Phú. Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch chung khoảng 3.000ha, diện tích kết nối khoảng 5.000ha. Quy mô dân số: Hình thành khu đô thị mới cho khoảng 100.000 - 120.000 người tương đương đô thị loại III. Trong đó giai đoạn đầu tập trung phát triển 02 đô thị:

(1). TT. Thạnh Phú: Là đô thị hình thành trên cơ sở phát triển KCN Thạnh Phú, với chức năng là trung tâm công nghiệp của Vĩnh Cửu và trung tâm dịch vụ thương mại khu vực phía nam của huyện. Quy mô dân cư khoảng 68.000 người, quy mô đất đai khoảng 897 ha.

(2). Khu đô thị mới Bình Hòa: Đầu tư xây dựng đồng bộ một khu đô thị mới gắn liền với cảnh quan sông nước đạt tiêu chuẩn với quy mô dân số khoảng 10.000 – 15.000 người, quy mô diện tích: 240ha.

- Trung tâm xã Phú Lý: Tập trung đầu tư theo hướng đô thị để phục vụ cho tiêu vùng III với chức năng sản xuất nông nghiệp, dịch vụ - du lịch thuộc khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai. Dự kiến đến năm 2020, khu trung tâm khoảng 5.000 – 6.000 dân.

- Mạng lưới điểm dân cư nông thôn: Hình thành các cụm, tuyến dân cư nông thôn với đầy đủ hệ thống cơ sở hạ tầng để ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu sống của người dân. Bố trí dân cư nông thôn theo quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn trên địa bàn các xã đã được duyệt.

6. Phát triển văn hóa – xã hội:

a) Dân số và lao động:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình nhằm ổn định tăng dân số tự nhiên khoảng 1%, tỷ lệ tăng cơ học khoảng 3% do quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Dân số dự kiến đến năm 2015 khoảng 160.000 người, trong đó dân số thành thị chiếm 40% và năm 2020 khoảng 200.000 người, trong đó dân số thành thị chiếm 55%.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm lao động nông nghiệp, tăng lao động công nghiệp và dịch vụ. Cơ cấu lao động năm 2015: nông nghiệp 22,1%, công nghiệp 51,7%, dịch vụ 26,2%; Năm 2020: Nông nghiệp 16,1%, công nghiệp 53,1%, dịch vụ 30,8%.

b) Về phát triển giáo dục và đào tạo:

- Tiếp tục phát triển mạng lưới trường lớp theo cơ cấu hợp lý giữa các ngành học, cấp học và đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

- Huy động trẻ em trong độ tuổi đi nhà trẻ đến lớp đạt 20% vào năm 2015 và đạt 35-40% vào năm 2020. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến lớp đạt 100% vào năm 2015 và giữ ổn định chỉ tiêu này cho những năm sau. Giữ vững chỉ tiêu phổ cập giáo dục phổ thông, nâng cao chất lượng dạy và học. Nâng tỷ lệ tốt nghiệp THCS lên 98 – 99% và tốt nghiệp THPT đạt trên 90% vào năm 2015 và phấn đấu đạt tỷ lệ cao hơn vào năm 2020. Huy động trên 85% học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 phổ thông và

nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT vào đại học và học nghề. Xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2011 – 2015 đạt 50% và giai đoạn 2016 – 2020 đạt 100%.

- Tiếp tục đầu tư, xây dựng mới 18 trường mẫu giáo, 18 trường tiểu học, 15 trường THCS, 4 trường THPT, 2 trung tâm tin học – ngoại ngữ, trường trung cấp nghề giao thông vận tải ở Thiện Tân và lâu dài nâng thành trường cao đẳng nghề giao thông vận tải, dự án mở rộng trường đại học Lạc Hồng và kêu gọi đầu tư xây dựng khu giáo dục đào tạo ở Thạnh Phú.

c) Về phát triển y tế:

- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ở các tuyến trong lĩnh vực phòng bệnh, khám, chữa bệnh. Thực hiện xã hội hóa các dịch vụ y tế, kết hợp giữa y tế công và y tế ngoài công lập nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân trong huyện.

- Giảm tỷ lệ mắc và tử vong do các bệnh truyền nhiễm gây dịch; không chê tối mức thấp nhất tỷ lệ mắc và chết do các bệnh tả, thương hàn, sốt xuất huyết, sốt rét, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, các bệnh lây lan qua đường tình dục, hạn chế đến mức thấp nhất số người mắc HIV/AIDS.

- Phấn đấu đạt số giường bệnh/ vạn dân từ 13,93 giường năm 2010 lên 18,75 giường năm 2015 và đạt 22,5 giường vào năm 2020. Số bác sĩ/vạn dân từ 2,16 bác sĩ năm 2010 lên 5,5 bác sĩ năm 2015 và đạt 7 bác sĩ vào năm 2020. Đầu tư cơ sở vật chất và các điều kiện khác cho y tế cơ sở và giữ vững 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, 100% xã có bác sĩ.

- Tuyến huyện: Xây mới trung tâm y tế dự phòng; Trung tâm vệ sinh an toàn thực phẩm; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Phòng khám đa khoa khu vực Phú Lý; Phòng khám đa khoa khu vực Vĩnh Tân.

- Tuyến xã: Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế 4 xã Bình Hòa, Tân Bình, Mã Đà và Hiếu Liêm. Xây dựng mới 3 trạm y tế cho 3 xã mới chia tách từ TT. Vĩnh An, Thạnh Phú và Tân An + Vĩnh Tân).

- Đẩy mạnh kêu gọi đầu tư y tế ngoài công lập, trước mắt tập trung kêu gọi đầu tư hình thành bệnh viện chuyên khoa ở Thạnh Phú với quy mô 50ha.

d) Về văn hóa, thông tin, thể thao:

- Tiếp tục thực hiện tốt các chương trình lồng ghép cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống văn hóa ở khu dân cư. Phấn đấu đạt tỷ lệ hộ gia đình văn hóa khoảng 98% năm 2015 và trên 99% vào năm 2020. Áp, khu phố văn hóa 90% năm 2015 và 95% vào năm 2020.

- Xây dựng nếp sống thường xuyên rèn luyện TDTT, tăng cường sức khỏe trong nhân dân, nâng tỷ lệ số người thường xuyên tham gia tập luyện TDTT từ 28,18% năm 2010 lên 40% vào năm 2015 và đạt 50% vào năm 2020.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao từ tuyến huyện đến tuyến xã và tuyến thôn ấp. Đến năm 2015: 100% xã, thị trấn có trung tâm văn hóa – thể thao và năm 2020: 100% áp, khu phố có nhà văn hóa. Đối với khu vực có nhiều khu, cụm CN – TTCN tập trung (Thạnh Phú, Thiện Tân...) cần xây dựng nhà văn hóa lồng ghép với xây dựng nhà ở cho công nhân. Ngoài ra, cần đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các

hạng mục văn hóa – thể thao như: Hồ bơi, khu giải trí thiếu nhi, các phòng tập, bãi tập ở 12/12 xã, thị trấn trên địa bàn.

- Giữ gìn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của huyện. Gắn việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa với việc xây dựng các tuyến, điểm du lịch.

7. Môi trường:

a) Xử lý nước thải:

- Đối với khu dân cư: Lưu vực thứ nhất, bao gồm khu trung tâm Thạnh Phú và các xã lân cận xây dựng một trạm xử lý nước thải công suất $5.520 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ và xả ra sông Đồng Nai. Lưu vực thứ hai, bao gồm khu trung tâm thị trấn Vĩnh An và các xã lân cận xây dựng một trạm xử lý nước thải công suất $6.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, rồi xả ra suối Vĩnh An và ra sông Đồng Nai.

- Đối với nước thải công nghiệp: Từng doanh nghiệp phải xây dựng phương án xử lý nước thải đạt yêu cầu trước khi xả vào luồng nước thải chung của khu, cụm công nghiệp. Mỗi một khu, cụm CN – TTCN, Ban quản lý phải xây dựng 01 trạm xử lý nước thải chung, xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành mới được xả ra sông Đồng Nai.

b) Xử lý rác thải:

- Rác thải sinh hoạt: Củng cố hoạt động ở 02 HTX Trúc Xanh và Vĩnh Tiến để thu gom rác thải trên địa bàn huyện, đồng thời tập trung đôn đốc triển khai thực hiện đầu tư xây dựng bãi xử lý rác sinh hoạt tập trung tại xã Vĩnh Tân với quy mô 81 ha.

- Rác thải công nghiệp: Rác thải công nghiệp được phân loại tại nguồn và tổ chức thu gom về bãi xử lý rác công nghiệp tập trung của tỉnh theo quy hoạch.

c) Nghĩa trang:

- Xây dựng nghĩa trang Vĩnh Hằng với quy mô 112 ha tại xã Tân An phục vụ quy mô cấp khu vực. Đồng thời quy hoạch các nghĩa địa tập trung ở các Xã. Hạn chế việc chôn cất nằm ngoài các nghĩa trang, nghĩa địa được quy hoạch.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo).

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Về vốn đầu tư:

Để đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng về kinh tế - xã hội, dự báo tổng nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển như sau:

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư là 24.900 tỷ đồng. Trong đó:

Thời kỳ 2011 - 2015 là 8.900 tỷ đồng.

Thời kỳ 2016 - 2020 là 16.000 tỷ đồng.

- Cơ cấu vốn đầu tư: Vốn ngân sách chiếm khoảng 15%, nguồn vốn đầu tư từ dân và doanh nghiệp chiếm 85%.

2. Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị, vai trò quản lý của Nhà nước:

Cùng có vai trò và phát huy hiệu quả của bộ máy chính quyền các cấp các ngành trong quản lý phát triển kinh tế – xã hội. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức đồng bộ theo hướng chất lượng và hợp lý về cơ cấu. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính và phát huy quyền làm chủ tập thể của mọi tầng lớp nhân dân trong huyện nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế so sánh, các nguồn lực sẵn có của huyện; đồng thời chủ động nắm bắt thời cơ đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế – xã hội.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Tăng cường đầu tư cho giáo dục – đào tạo để nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động được đào tạo nghề và sức khỏe cho người lao động. Sắp xếp lại và có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục đào tạo và dạy nghề. Áp dụng công nghệ thông tin và các tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập.

- Cần có chính sách ưu đãi để thu hút nhân tài về công tác tại huyện và xã; thu hút lao động có trình độ chuyên môn cao để đáp ứng nhu cầu cho phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.

4. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển kinh tế xã hội:

- Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng phù hợp với tiến trình cải cách hành chính. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, nhất là lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ thông tin – truyền thông, công nghệ vật liệu mới, nhằm đáp ứng nhu cầu cho phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại nhưng phù hợp với quy mô và trình độ quản lý trong các chương trình đầu tư phát triển công nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ và thiết bị phù hợp.

- Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới khuyến nông, khuyến công từ huyện xuống xã đến thôn, ấp. Tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật và đào tạo tại chỗ đội ngũ kỹ thuật cho mạng lưới khuyến nông, lâm, công.

5. Tăng cường công tác tìm kiếm và mở rộng thị trường:

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, cải tiến mẫu mã để đủ sức cạnh tranh. Thực hiện đồng bộ các khâu xây dựng thương hiệu, tiếp thị, quảng cáo, thiết lập mạng lưới phân phối... Tăng cường các hình thức liên kết liên doanh với các đối tác có kinh nghiệm và truyền thống sản xuất các loại sản phẩm chính của huyện.

- Tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng để tiếp cận chiến lược thị trường, tránh tình trạng sản xuất ồ ạt trong khi chưa có nền tảng về thị trường. Theo dõi giá cả để đề xuất kịp thời với tỉnh và Trung ương những biến động về giá cả và giúp nông dân ổn định sản xuất các nông sản chính.

- Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp tư nhân thu mua nông sản, hình thành mạng lưới tiêu thụ lâu dài. Xây dựng các trung tâm thương mại ở trung tâm huyện và các trung tâm tiểu vùng, giúp các xã xây dựng mới hoặc mở rộng chợ.

- Phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ, kết hợp các biện pháp chính sách khuyến khích cung – cầu và tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng để tăng cường lưu thông và mở rộng thị trường các loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và chất lượng cao.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu có nhiệm vụ:

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm, các chương trình, dự án cụ thể để đầu tư tập trung, bố trí ưu tiên đầu tư một cách hợp lý. Trong quá trình thực hiện quy hoạch phải thường xuyên phối hợp với các sở ngành, các địa phương trong tỉnh để cập nhật tình hình và có những điều chỉnh kịp thời khi cần thiết.

- Tiến hành tổ chức triển khai quy hoạch xuống tất cả các ngành, các xã trong huyện làm căn cứ để các ngành, các xã lập kế hoạch thực hiện theo đúng định hướng của quy hoạch.

- Phân công rõ chức năng, nhiệm vụ của các cấp, các ngành trên địa bàn huyện trong việc tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng để không ngừng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ về công tác quy hoạch, lập kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; thủ trưởng các sở ngành và Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo;
- Lưu: VT, TH.



Đinh Quốc Thái



Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020 CỦA HUYỆN VĨNH CỬU

(Nguyễn ngân sách chỉ đầu tư đối với một số dự án hạ tầng thiết yếu,
còn lại các dự án chủ yếu kêu gọi đầu tư từ các cá nhân, tổ chức)

(Ban hành kèm theo quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2011
của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. Dự án phát triển đô thị:

1. Dự án chỉnh trang đô thị Vĩnh An.
2. Dự án khu dân cư đô thị Bình Hòa.
3. Dự án khu đô thị công nghiệp – Thạnh Phú.
4. Dự án đô thị Phước Giang.

II. Dự án công nghiệp:

1. Dự án đầu tư Khu công nghiệp Thạnh Phú.
2. Dự án đầu tư Cụm công nghiệp Trị An.
3. Dự án đầu tư Cụm công nghiệp Thạnh Phú – Thiện Tân.
4. Dự án đầu tư Cụm công nghiệp Thiện Tân.
5. Dự án đầu tư Cụm công nghiệp Tân An.
6. Dự án đầu tư Cụm công nghiệp Vĩnh Tân.
7. Dự án đầu tư Cụm công nghiệp TT. Vĩnh An.
8. Dự án đầu tư Cụm công nghiệp VLXD – Tân An.
9. Dự án đầu tư làng nghề đúc gang Tân An.

III. Dự án thương mại – dịch vụ:

1. Trung tâm thương mại TT. Vĩnh An.
2. Trung tâm thương mại Thạnh Phú.
3. Siêu thị TT. Vĩnh An.
4. Siêu thị Tân An.
5. Xây dựng 06 chợ nông thôn: Trị An, Thiện Tân, Tân An, Hiếu Liêm, Mã Đà và Thạnh Phú.
6. Dự án phát triển du lịch sinh thái làng bưởi Tân Triều.
7. Dự án khu du lịch Rạch Đông – Tân An.
8. Dự án khu du lịch sinh thái hồ Mo Nang.
9. Dự án Phát triển khu du lịch nghỉ dưỡng Đồng Trường – Đảo Ó.

IV. Dự án nông nghiệp – nông thôn:

1. Dự án khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai (kết hợp phát triển du lịch).
2. Dự án quy hoạch nông thôn mới trên địa bàn 11 xã.
3. Dự án phát triển vùng rau an toàn ở các xã: Vĩnh Tân, Tân An, Trị An, Hiếu Liêm, và TT. Vĩnh An.
4. Dự án phát triển vùng cây ăn trái trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.
5. Dự án xây dựng các khu tái định cư và tổ chức di dân cho dân trong Khu bảo tồn thuộc xã Mã Đà – Hiếu Liêm.

6. Dự án nạo vét suối Đường Cộ, suối Rạch Lăng và suối Sâu.
7. Dự án xây dựng trạm bơm: Giồng Lầu, Lý Lịch và Hiếu Liêm.
8. Dự án kiên cố hóa kênh mương trên địa bàn xã Tân An.

V. Dự án giáo dục đào tạo:

1. Dự án đầu tư xây dựng mới 18 trường mầm non trên địa bàn các xã.
2. Dự án đầu tư xây dựng mới 18 trường tiểu học trên địa bàn các xã.
3. Dự án đầu tư xây dựng mới 15 trường THCS trên địa bàn các xã.
4. Dự án đầu tư xây dựng mới 04 trường THPT trên địa bàn TT. Vĩnh An, Tân An, Vĩnh Tân và Thiện Tân.
5. Dự án xã hội hóa đầu tư xây dựng các trung tâm dạy nghề (tin học, ngoại ngữ).
6. Dự án tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn.
7. Dự án mở rộng trường Đại học Lạc Hồng.
8. Dự án phát triển giáo dục đào tạo Thạnh Phú.
9. Dự án trường trung cấp nghề giao thông vận tải và nâng cấp thành trường cao đẳng nghề giao thông vận tải ở xã Thiện Tân.
10. Dự án kêu gọi đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo nghề, đại học, cao đẳng dọc tuyến vành đai 4.

VI. Dự án y tế:

1. Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện chuyên đa khoa, chuyên khoa (kêu gọi đầu tư từ nguồn xã hội hóa).
2. Dự án đầu tư Trung tâm vệ sinh an toàn thực phẩm.
3. Dự án đầu tư Trung tâm Dân số KHH gia đình.
4. Dự án đầu tư xây dựng Phòng khám đa khoa khu vực Phú Lý.
5. Dự án đầu tư xây dựng Phòng khám đa khoa khu vực xã Vĩnh Tân.
6. Dự án đầu tư, nâng cấp hệ thống trạm y tế tuyến xã.

VII. Dự án văn hóa, thể dục thể thao:

1. Dự án đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao tuyến xã.
2. Dự án đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thôn ấp.
3. Các dự án xã hội hóa văn hóa, thể dục thể thao.

VIII. Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc các cấp:

1. Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc 05 xã: Bình Hòa, Thạnh Phú, Tân An, Hiếu Liêm, Mă Đă.

IX. Dự án nhà ở:

1. Khu tái định cư di dân ven hồ 30 ha – TT. Vĩnh An.
2. Khu tái định cư dân Mă Đă 37 ha – TT. Vĩnh An.
3. Dự án nhà ở công nhân cụm công nghiệp 50ha – TT. Vĩnh An.
4. Dự án khu dân cư khu phố 1,14 ha – TT. Vĩnh An.
5. Dự án khu dân cư Tín Khải 80ha – Thạnh Phú.
6. Dự án khu dân cư đô thị Thạnh Phú 179,33ha.
7. Dự án khu dân cư Miền Đông – Thạnh Phú 44,5ha.
8. Dự án khu dân cư phía Bắc đường tỉnh 768 – Thạnh Phú.
9. Dự án khu dân cư đô thị Bình Hòa.

10. Dự án chỉnh trang, bố trí sắp xếp mạng lưới điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch mạng lưới điểm dân cư trên địa bàn các xã đã được duyệt.

X. Dự án cấp thoát nước và môi trường:

1. Dự án nâng cấp nhà máy nước Thiện Tân.
2. Dự án nâng cấp đầu tư Xí nghiệp nước TT. Vĩnh An.
3. Dự án nâng cấp đầu tư nhà máy nước Thạnh Phú.
4. Dự án đầu tư các trạm cấp nước ở nông thôn: Đường Cộ - Tân An; Tân Triều, Bình Ý – Tân Bình; Trị An.
5. Dự án nâng cấp hệ thống cấp nước sạch ở Phú Lý, Mã Đà.
6. Dự án xây dựng nghĩa trang Vĩnh Hằng – Tân An.
7. Dự án xây dựng bãi xử lý rác sinh hoạt Vĩnh Tân.
8. Dự án đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải khu vực Thạnh Phú.
9. Dự án đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải khu vực TT. Vĩnh An.

XI. Dự án hạ tầng giao thông:

1. Dự án đầu tư đường vành đai Tp. Biên Hòa, đoạn đi qua huyện Vĩnh Cửu dài 16,6 km.
2. Dự án đầu tư nâng cấp đường tỉnh 767.
3. Dự án đầu tư nâng cấp đường tỉnh 768.
4. Dự án đầu tư nâng cấp đường tỉnh: ĐT 761, ĐT 762, ĐT 322B, ĐT 768B, đường Đồng Khởi, đường Đoàn Văn Crys, đường song hành nhà máy nước, đường Thanh Sơn – Xuân Bắc.
5. Dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng mới 228,46 km đường huyện.
6. Dự án đầu tư cung hóa 462,8 km đường nông thôn.

XII. Dự án trọng điểm trung ương quản lý:

1. Dự án đầu tư đường vành đai 4 vùng kinh tế Trọng điểm phí Nam, đoạn đi qua huyện Vĩnh Cửu dài 7,7 km./.